

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21/02/2022

V/V: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Chính Nghĩa

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Bé

2. Bà Hoàng Thị Minh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Văn Huyền - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện V

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa:

Bà: Mạc Thị Thắm - Kiểm sát viên

Trong ngày 21 tháng 02 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2022/QĐST- DS ngày 21 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Thị Phương T Sinh năm 1989; Địa chỉ: Khu A, thị trấn C, huyện V, tỉnh Quảng Ninh – Có mặt

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc D, Sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện V, tỉnh Quảng Ninh – Vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn và các lời khai tại hồ sơ vụ án, Nguyên đơn – Chị Trương Thị Phương T đều trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Ngọc D vào năm 2013 có đăng ký hợp pháp tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện V, tỉnh Quảng Ninh trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị về chung sống tại thôn C, xã H, huyện V, tỉnh Quảng Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 2 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chị cho rằng xuất phát vì hoàn cảnh công tác xa nhà nên vợ chồng ít quan tâm đến nhau, nhưng cuối tuần khi vợ chồng gặp nhau thì anh D lại không quan tâm đến gia đình. Anh thường xuyên tụ tập bạn bè chơi bời, về nhà mượn cớ sinh sự với vợ con. Anh đi làm nhưng không đưa lương cho chị nuôi con. Chị cảm thấy mất mát và đến nay không còn tình cảm với anh D nữa. Anh chị sống ly thân từ tháng 8/2021, chị trở về nhà ngoại sinh sống cùng với con chung. Anh D thỉnh thoảng cũng có đến nhưng chỉ là thăm con chứ không có ý định thuyết phục chị trở về. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không chuyển biến. Năm 2019, vợ chồng cũng đã xin ly hôn nhưng quay về đoàn tụ. Từ đó đến nay, mâu thuẫn cũng không được khắc phục mà ngày càng trầm trọng hơn. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện V giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Ngọc D.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung: Nguyễn Ngọc Bảo H, sinh ngày 03/5/2014, hiện tại đang ở với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên, không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung. Thu nhập trung bình hàng tháng của chị khoảng 7.000.000 đồng. Chị làm hành chính sự nghiệp nên có thời gian chăm sóc con. Chị khẳng định chưa bao giờ có hành vi ngược đãi với con chị. Chị không đồng ý cho anh D nuôi con chung vì cho rằng, anh D công tác ở huyện C, xa nhà nên không có điều kiện chăm sóc con chung. Chị thừa nhận anh D cũng yêu thương con nhưng điều kiện nuôi dạy không thể bằng chị được.

- Về tài sản chung và công nợ: Không có.

Bị đơn – Anh Nguyễn Ngọc D có các lời khai tại Tòa án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Về điều kiện kết hôn, anh xác nhận đúng như chị T đã trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn anh cho rằng: Anh và chị T không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống và vợ chồng cũng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Tuy nhiên anh cũng cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn vì tình cảm vợ chồng vẫn còn. Do anh công tác xa nhà nên đôi lúc

có sự hiểu lầm. Anh là người có trách nhiệm với gia đình, vẫn đưa tiền cho chị T và ông bà nội để chăm sóc con. Anh thừa nhận có lần anh tát chị T nhưng chỉ vì nóng giận chứ không phải vì đã hết tình cảm. Anh nhận lỗi về việc tính tình nóng nảy và cách xung hô chưa được chuẩn mực. Về phía chị T, anh cho rằng chị T chưa thực sự quan tâm đến gia đình nhà nội. Trước đây anh đã từng bỏ qua việc ngoại tình của chị T nhưng hiện tại anh nghi ngờ sự việc chị T ngoại tình lại tiếp diễn. Quan điểm của anh D: Anh không đồng ý ly hôn với chị T vì muốn con anh có cả bố và mẹ.

- Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung như chị T đã trình bày. Anh không đồng ý cho chị T nuôi con chung vì kinh tế của chị T không đủ để nuôi con. Nếu ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh khẳng định có đủ điều kiện nuôi con. Thu nhập trung bình của anh khoảng 08 triệu đồng/ tháng. Hiện tại anh đang thuê nhà tại huyện C để tiện lợi cho công việc, cuối tuần mới trở về huyện V. Nếu được giao con, thì cuối tuần anh về huyện V chăm con hoặc đưa con ra ngoài huyện C sinh sống. Anh cũng cam kết không có hành vi bạo hành, ngược đãi với con trẻ.

-Về tài sản chung và công nợ: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V có ý kiến cho rằng: Việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm trước khi nghị án thấy rằng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp và tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng. Việc thu thập chứng cứ đầy đủ. Giao nhận tài liệu đúng theo trình tự pháp luật quy định; Bị đơn là anh Nguyễn Ngọc D không chấp hành đúng quy định của pháp luật về nghĩa vụ có mặt tại Tòa án theo giấy triệu tập; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án và các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Cho chị Trương Thị Phương T được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc D và giao con cho chị T nuôi dưỡng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Chị Trương Thị Phương T có đơn khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Nguyễn Ngọc D, anh D có nơi cư trú tại thôn C, xã H, huyện V, tỉnh Quảng Ninh. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn – Anh Nguyễn Ngọc D đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Trương Thị Phương T kết hôn với anh Nguyễn Ngọc D vào năm 2013 có đăng ký hợp pháp tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện V, tỉnh Quảng Ninh trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị về chung sống tại thôn C, xã H, huyện V, tỉnh Quảng Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 2 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi chửi, thậm chí đánh nhau, điều này đã được cả hai bên thừa nhận. Anh chị có hoàn cảnh công tác xa nhà mỗi người một nơi, nhưng cuối tuần khi vợ chồng gặp nhau thì vợ chồng lại không có tiếng nói chung, không biết cách giải tỏa mâu thuẫn đã tồn đọng từ nhiều năm nay. Tình cảm vợ chồng cứ thế nhạt nhòa theo năm tháng. Đến thời điểm hiện tại, họ không còn yêu thương nhau nữa. Chị T bỏ về nhà ngoại cùng con sinh sống. Anh D cũng thỉnh thoảng đến thăm con nhưng không có giải pháp để thuyết phục chị T quay về đoàn tụ. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không chuyển biến. Năm 2019, vợ chồng cũng đã xin ly hôn nhưng quay về đoàn tụ. Từ đó đến nay, mâu thuẫn cũng không được khắc phục mà ngày càng trầm trọng hơn.

Qua xác minh, thu thập chứng cứ tại địa bàn anh chị T - D sinh sống cũng cho thấy nguyên nhân mâu thuẫn phù hợp với lời khai của cả hai anh chị tại Tòa án và anh chị không còn khả năng xây dựng gia đình hạnh phúc lâu dài, bền vững.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị T và anh D đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội

đồng xét xử chấm dứt quan hệ hôn nhân giữa chị Trương Thị Phương T và anh Nguyễn Ngọc D theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung: Nguyễn Ngọc Bảo H, sinh ngày 03/5/2014, hiện tại đang ở với chị T. Cả hai anh chị đều có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Xét điều kiện nuôi con của chị T, anh D thấy rằng: Cả hai anh chị đều là viên chức Nhà nước, có thu nhập tương đương từ 7.000.000 đồng/tháng đến 8.000.000 đồng/tháng. Cả hai đều có các điều kiện như: Luôn yêu thương con chung, tinh thần minh mẫn, không có tiền sự về các hành vi ngược đãi đối với trẻ em. Tuy nhiên, do hoàn cảnh công tác nên anh D thường xuyên phải xa nhà trong khi chị T hiện trực tiếp nuôi con tại địa bàn nơi đang công tác nên việc nuôi con của chị T sẽ thuận lợi hơn rất nhiều so với anh D. Mặt khác, yêu cầu nuôi con của chị T cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu bé mong muốn được ở cùng mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng để ổn định về đời sống vật chất và tinh thần cho cháu bé. Chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập.

- Về tài sản chung: Không có; Công nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Chị T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 171, Điều 173, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định về án phí, lệ phí;

Tuyên Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Phương T.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Phương T được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc D.

[2] Về con chung: Giao cho chị Trương Thị Phương T có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Ngọc Bảo H, sinh ngày 03/5/2014 đến khi thành niên; Anh Nguyễn Ngọc D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con và được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[3] Về án phí: Chị T phải nộp 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền này được trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0011010 ngày 19 tháng 10 năm 2021 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh QN
- VKSND huyện V
- THA dân sự huyện V
- Các đương sự
- Lưu HS, VP

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Trần Chính Nghĩa